

Thứ Ba, 15/07/2014 | 00:00 GMT+7

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN BỘ SƯU TẬP SỐ TRONG CÁC THƯ VIỆN VIỆT NAM, NHÌN TỪ MỘT DỰ ÁN

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, cho đến nay vốn tài liệu tại nhiều thư viện Việt Nam vẫn chủ yếu là tài liệu ở dạng truyền thống (in trên giấy), chưa xây dựng được các bộ sưu tập tài liệu điện tử, tài liệu số. Sự ra đời của Dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng tại Việt Nam đã mở ra cơ hội cho các thư viện trong quá trình xây dựng các bộ sưu tập số của mình. Bài viết phân tích bối cảnh và những tác động của Dự án đối với quá trình thúc đẩy việc xây dựng, phát triển bộ sưu tập số trong các thư viện Việt Nam hiện nay

1. Thực trạng xây dựng bộ sưu tập số trong các thư viện Việt Nam

Vốn tài liệu là một trong bốn yếu tố cấu thành thư viện (cùng với cơ sở vật chất, cán bộ thư viện và người dùng tin). Trong hoạt động thư viện, *vốn tài liệu* còn được gọi là *bộ sưu tập (collection)*, đó là những tài liệu được sưu tầm, tập hợp theo một hoặc nhiều chủ đề, nội dung nhất định, được xử lý theo quy tắc, quy trình khoa học của nghiệp vụ thư viện để tổ chức phục vụ người dùng tin. Sở hữu một bộ sưu tập tài liệu đa dạng, phong phú luôn là mong muốn của nhiều thư viện. Trong thời đại thông tin ngày nay, bên cạnh việc bổ sung tài liệu truyền thống, các thư viện đều chú trọng phát triển nguồn tài liệu điện tử, trong đó có việc xây dựng các *bộ sưu tập số (digital collection)*.

Vậy bộ sưu tập số là gì?

Bộ sưu tập số là một tập hợp có tổ chức nhiều tài liệu về một chủ đề hoặc nhóm chủ đề, các tài liệu này dưới nhiều dạng thức tập tin (format) khác nhau như văn bản, hình ảnh, âm thanh, ... Ở Việt Nam hiện nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau (chủ yếu là do hạn chế kinh phí, trình độ và thiết bị công nghệ), việc triển khai xây dựng và phát triển các bộ sưu tập số còn rất hạn hẹp, chủ yếu được thực hiện tại các thư viện, trung tâm thông tin lớn với sự đầu tư từ kinh phí nhà nước. Việc tìm các nguồn kinh phí, đặc biệt là kinh phí ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng bộ sưu tập số nhìn chung rất khó khăn. Trong bối cảnh đó, năm 2011, Dự án *Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam* đã chính thức được triển khai, góp phần tạo ra một cú hích thúc đẩy các thư viện đổi mới hoạt động của mình, trên cơ sở đó từng bước tạo lập các bộ sưu tập số để đa dạng hóa các hình thức phục vụ người dùng tin.

2. Sự ra đời và các hoạt động của Dự án

Ngày 12-7-2011, Thủ tướng Chính phủ có công văn số 1138/TTg-QHQT cho phép Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, triển khai Dự án *Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam* do Quỹ Bill & Melinda Gates Foundation tài trợ. Đây là quỹ tư nhân lớn nhất thế giới, được

thành lập năm 2000 và có trụ sở tại Seattle, Washington (Mỹ) với tổng kinh phí khoảng 60 tỷ USD. Quỹ là một tổ chức từ thiện với sự góp vốn của Bill Gates (cựu chủ tịch và người sáng lập tập đoàn Microsoft) và vợ của ông, bà Melinda Gates. Mục tiêu của quỹ là tăng cường chăm sóc y tế và giảm nghèo đói trên toàn cầu cũng như giúp mở rộng cơ hội học tập và tiếp cận công nghệ thông tin tại Mỹ (1).

Năm 2003, Quỹ có chương trình tài trợ đầu tiên dành cho ngành thư viện Mỹ với số tiền lên tới 240 triệu USD để 99% thư viện công cộng tại Mỹ được kết nối Internet. Từ 2005 đến nay, tài trợ cho ngành thư viện được mở rộng trên quy mô toàn cầu với các chương trình, dự án đã và đang triển khai tại 13 nước gồm Chile, Mexico, Botswana, Lithuania, Latvia, Romania, Ukraine, Ba Lan, Bulgaria, Columbia, Ấn Độ, Indonexia và Việt Nam (2)

Tại Việt Nam, dự án được triển khai cụ thể như sau:

Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mục tiêu: *tạo cơ hội cho người dân nông thôn được hưởng lợi từ những dịch vụ do công nghệ thông tin và truyền thông mang lại*, rút ngắn khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị. Dự án tập trung hỗ trợ người nghèo, nhóm thiệt thòi và những người sống ở vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội tiếp cận công nghệ thông tin và được hưởng những lợi ích mà việc tiếp cận công nghệ thông tin mang lại; từ đó cải thiện cuộc sống cá nhân, đồng thời đóng góp cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

Địa điểm thực hiện: 40 tỉnh

Thời gian thực hiện: 5 năm (2011-2016)

Kinh phí: 50,6 triệu USD

Triển khai:

| Thứ tự | Các hoạt động/địa điểm | Thời gian |
|-------------|--|---------------------------------|
| Giai đoạn 1 | Khởi động dự án / Đánh giá nhu cầu ban đầu | 9 tháng (7-2011 đến 3-2012) |
| Giai đoạn 2 | Bước 1: 12 tỉnh Vùng 1: Thái Nguyên-Tuyên Quang-Hà Giang Vùng 2: Thanh Hóa-Nghệ An-Hà Tĩnh Vùng 3: Đắk Nông-Bình Phước-Tây Ninh Vùng 4: Bến Tre-Trà Vinh-Sóc Trăng | 15 tháng (4-2012 đến 6-2013) |
| | Bước 2: 16 tỉnh Vùng 1: Bắc Cạn-Cao Bằng-Lạng Sơn Vùng 2: Phú Yên-Khánh Hòa-Ninh Thuận-Bình | 15 tháng (7-2013 đến 9-2014) |

| | | |
|-------------|--|-----------------------------------|
| | Thuận Vùng 3: Kon Tum-Gia Lai-Đắk Lắk-Lâm Đồng Vùng 4: Hậu Giang-Bạc Liêu-Cà Mau-Vĩnh Long-Đồng Tháp | |
| | Bước 3: 12 tỉnh Vùng 1: Sơn La-Điện Biên-Lai Châu Vùng 2: Phú Thọ-Yên Bái-Lào Cai Vùng 3: Quảng Bình-Quảng Trị-Thừa Thiên Huế Vùng 4: Quảng Nam-Quảng Ngãi-Bình Định | 15 tháng (10-2014 đến 12-2015) |
| Giai đoạn 3 | Giai đoạn đóng gói | 6 tháng (1 đến 6-2016) |

Số lượng trang thiết bị: 900 thư viện (cùng 1000 điểm bưu điện văn hóa xã) được đầu tư đường truyền internet, máy tính, máy in, camera và các trang thiết bị phụ trợ khác, cụ thể:

| Mô hình thư viện | Máy tính | |
|--------------------|-------------------|--|
| 40 thư viện tỉnh | 40 máy/1 thư viện | |
| 360 thư viện huyện | 10 máy/1 thư viện | |
| 500 thư viện xã | 5 máy/1 thư viện | |

Công tác đào tạo: Dự án thiết kế các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên tại các điểm. Cán bộ thư viện được học và được hướng dẫn về: cách thức sử dụng và vận hành máy tính, *phương thức tạo lập các bộ sưu tập số trong thư viện*, kỹ năng giao tiếp thân thiện với người dùng, phương pháp truyền thông để kêu gọi người dùng đến các điểm Dự án...

Nhờ có các khóa đào tạo này, trình độ và kỹ năng của cán bộ thư viện được nâng cao, từ đó sẽ hướng dẫn cho người dùng cách thức sử dụng và khai thác thông tin tại thư viện, phát huy hiệu quả của dự án đến cộng đồng dân cư.

3. Triển vọng xây dựng và phát triển bộ sưu tập số thông qua Dự án

Với việc được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị hệ thống máy tính kết nối mạng hiện đại, dự án đã bước đầu đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng internet của người dân. Việc người dân được hướng dẫn truy cập vào các website, các trang thông tin điện tử để cập nhật thông tin hữu ích, từ đó áp dụng những kiến thức đó vào cuộc sống của mình là mục tiêu hướng tới của Dự án. Tuy nhiên, nhiệm vụ của cán bộ thư viện không chỉ hướng dẫn người dân truy cập các trang mạng sẵn có, mà còn phải chủ động tạo lập các bộ sưu tập số để lưu trữ thông tin về những vấn đề người dân địa phương quan tâm. Điều đó có nghĩa là *cán bộ thư viện không chỉ có nhiệm vụ phục vụ mà còn phải biết cách chọn lọc, tổ chức tài nguyên thông tin và cung cấp một cách chủ động đến với người dùng tin*. Do vậy, kỹ năng chọn lọc, tổ chức thông tin chuyên đề theo dạng các bộ sưu tập số có khả năng khai thác thuận tiện là rất cần thiết cho các cán bộ thư viện hiện nay.

Để thực hiện việc này, trong chương trình đào tạo của Dự án dành cho cán bộ thư viện có môn học Xây dựng bộ sưu tập số địa phương. Môn học hướng tới các mục tiêu (3): hiểu sự cần thiết phải xây dựng bộ sưu tập số địa phương, nắm vững quy trình (các bước) xây dựng bộ sưu tập số địa phương, tự cài đặt và thành thạo sử dụng phần mềm Greenstone, thành thạo trong việc xây dựng bộ sưu tập số địa phương, xuất bản và chia sẻ, lưu hành qua mạng (nội bộ) bộ sưu tập.

Trong quá trình học tập, cán bộ thư viện được hướng dẫn trực tiếp các nội dung trên, được thực hành cài đặt và sử dụng phần mềm Greenstone. Đây là bộ phần mềm miễn phí cho việc xây dựng và phân phối bộ sưu tập số, hiện là 1 trong 2 phần mềm xây dựng sưu tập số được sử dụng phổ biến nhất tại Việt Nam (phần mềm còn lại là Dspace). Sau khi hoàn tất khóa đào tạo này, cán bộ thư viện sẽ căn cứ vào nhu cầu thông tin của người dân tại địa phương mình để xây dựng các bộ sưu tập số phù hợp.

Ví dụ: Ở những địa phương mà có đông dân cư sinh sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, cán bộ thư viện có thể tạo lập các bộ sưu tập về *giống cây trồng, kỹ thuật canh tác, phòng chống bệnh dịch cho vật nuôi...* Khi người dân cần những thông tin chuyên sâu này, sẽ có sẵn các bộ sưu tập theo chuyên đề cho họ lựa chọn sử dụng. Như vậy, cán bộ thư viện phải biết cách khảo sát và nắm bắt nhu cầu tin của người dân, phải có kiến thức về phương pháp tập hợp và thu thập thông tin, trên cơ sở đó sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xây dựng bộ sưu tập số.

Với 40/63 tỉnh thành trong cả nước được thụ hưởng Dự án, triển vọng là sẽ có nhiều bộ sưu tập số được xây dựng tại các thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân địa phương. Tuy nhiên, việc các bộ sưu tập có được tạo lập thành công hay không, có được duy trì bền vững và sử dụng hiệu quả hay không còn phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ cán bộ thư viện trực tiếp triển khai Dự án. Nếu công việc này hiệu quả, đây sẽ là bước đột phá trong quá trình xây dựng và phát triển các bộ sưu tập số trong các thư viện tại Việt Nam, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tin của người dùng tin, đặc biệt là các thông tin ở dạng điện tử, thông tin số. Kết quả đó sẽ góp phần nâng cao vị thế, vai trò của ngành thư viện Việt Nam lên một tầm cao mới, phát triển và hội nhập trong thời đại thông tin.

1. Nguyễn Thị Bắc, *Thông tin địa phương trong Dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam*, Kỳ yếu Hội thảo *Xây dựng và chia sẻ nguồn lực thông tin địa phương dạng số phục vụ bảo tồn di sản và phát triển kinh tế xã hội*, Bộ VH-TT-DL, Hà Nội, 2011, tr.95-99.

2. Phan Hữu Phong, *Dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam góp phần thực hiện tầm nhìn của thư viện công cộng đến 2015 và định hướng 2020*, Kỳ yếu Hội nghị sơ kết 3 năm hoạt động của hệ thống thư viện công cộng (2011-2013), Bộ VH-TT-DL, Đà Nẵng, 2013, tr.31-36.

3. *Xây dựng bộ sưu tập số địa phương*, tài liệu đào tạo Dự án *Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam*, Hà Nội,

2013.

Nguồn : Tạp chí VHNT số 360, tháng 6-2014

Tác giả : Đồng Đức Hùng